

# KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023 (PVC)

## Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ dầu khí - CTCP

Ngày 15/01/2024	<b>14,400 VNĐ</b>		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	<b>-3.4%</b>	<b>9.7%</b>	<b>0.4%</b>

**DT thuần**  
2023

**3,221**  
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 287 | 9.8%

**LN thuần**  
2023

**35.6**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼ 4.10 | -10.3%

**LN sau thuế**  
2023

**35.0**  
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.70 | 28.3%

**Tỷ lệ lãi EBIT**  
2023

**1.8%**

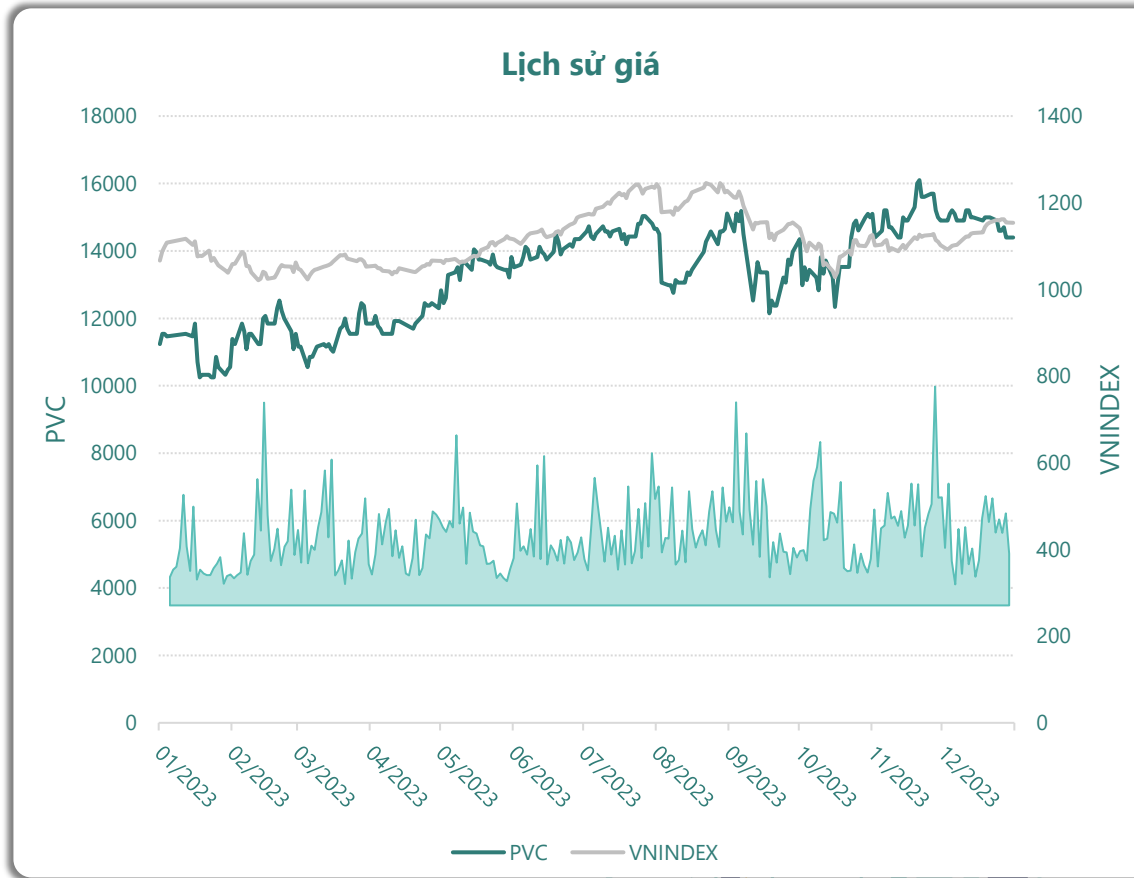
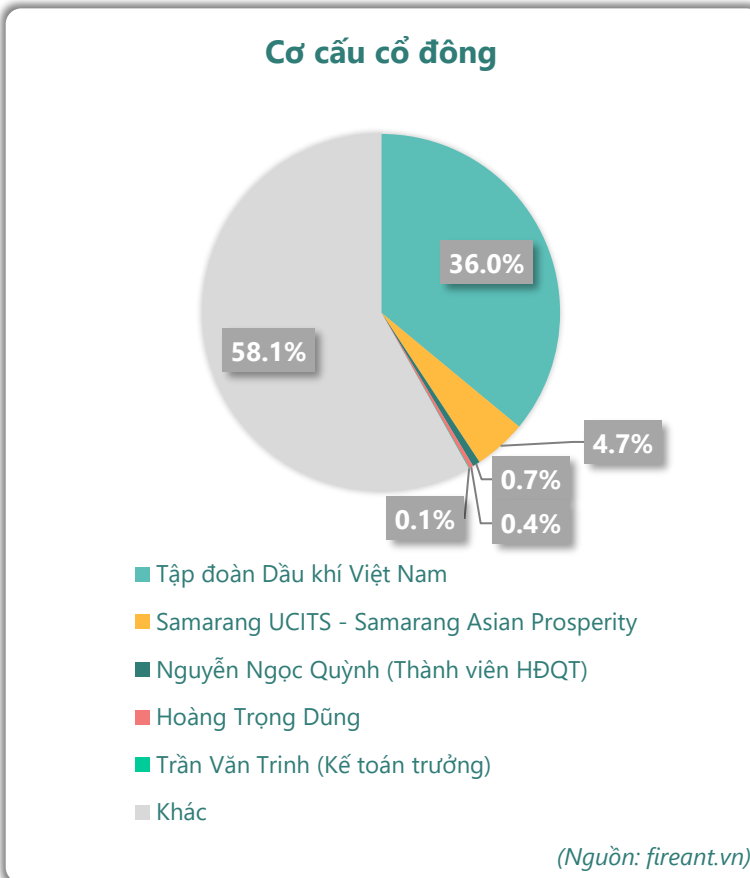
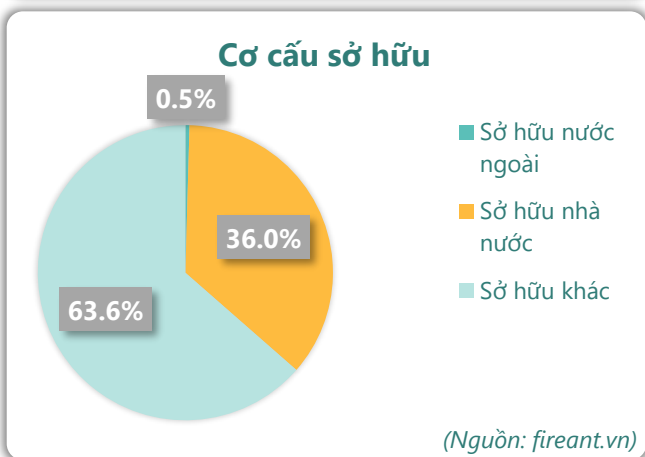
YoY: +/- ▲ 0.4%

**ROE**  
2023

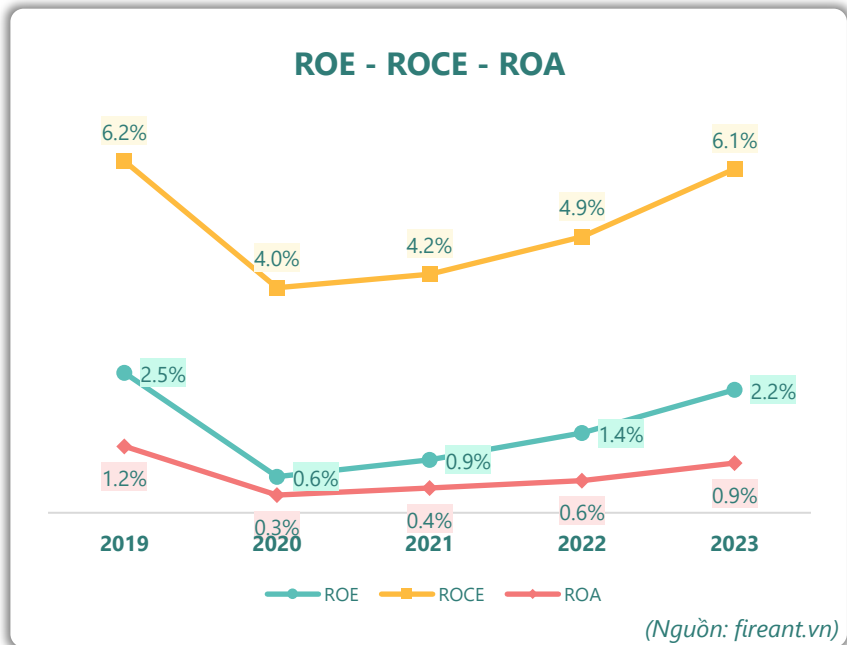
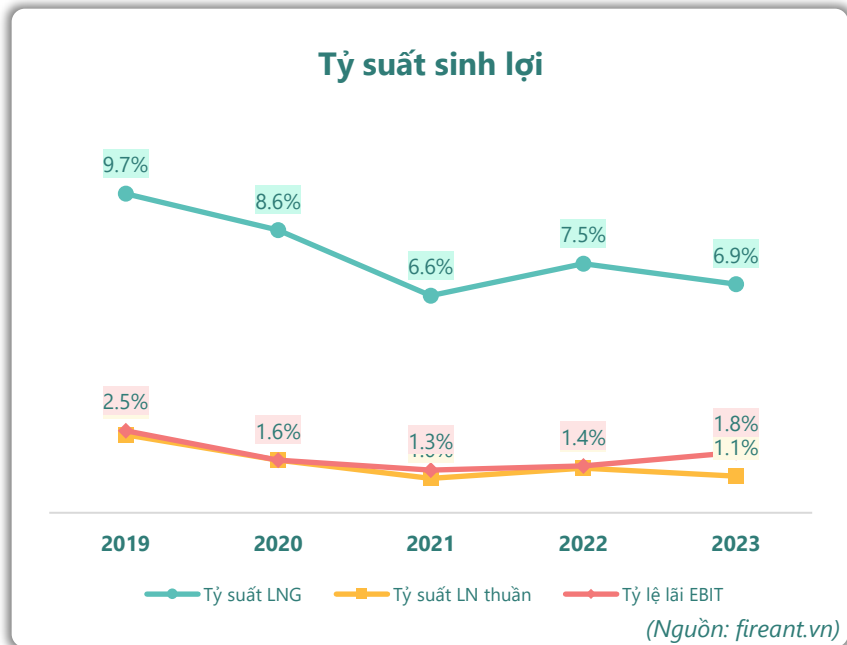
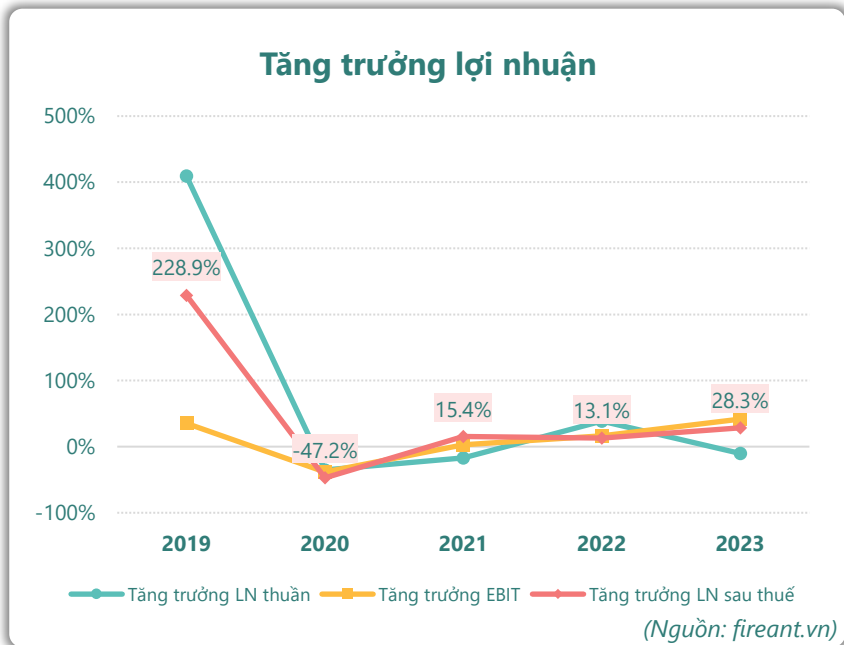
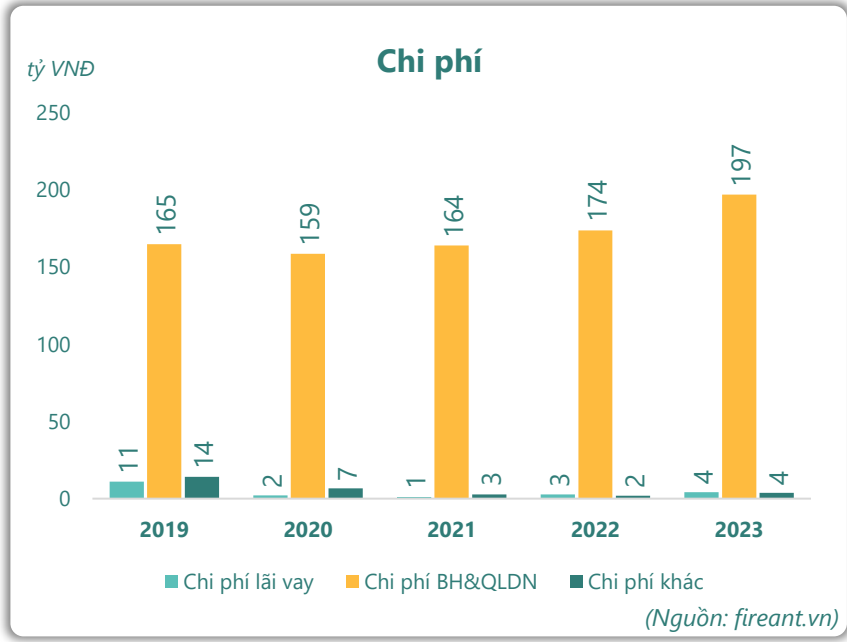
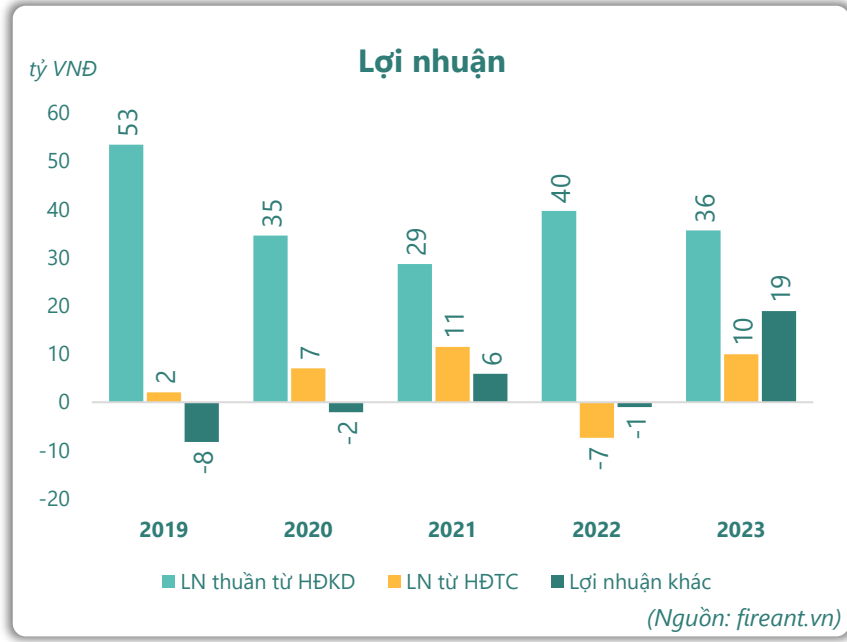
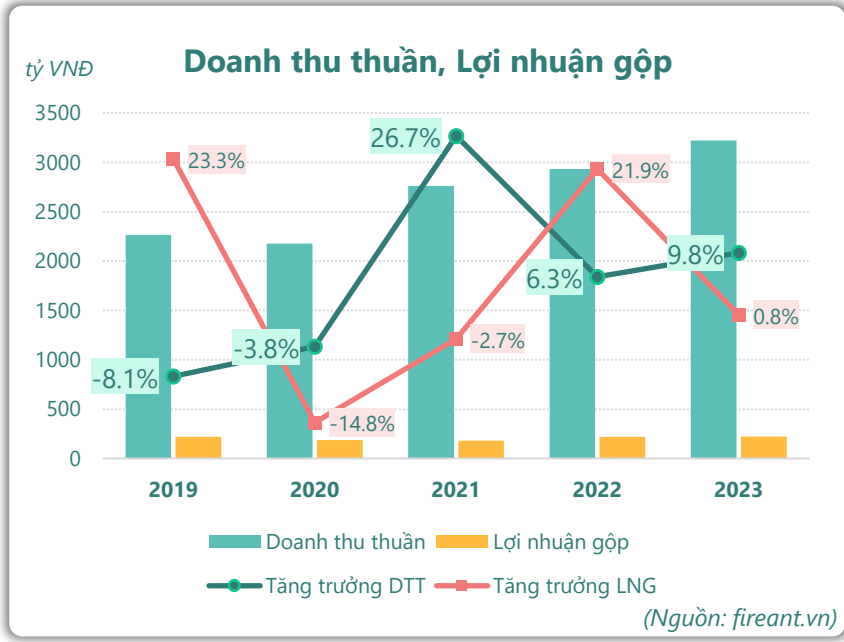
**2.2%**

YoY: +/- ▲ 0.8%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	10,248 - 16,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,169
Số lượng CPLH (CP)	81,194,463
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,049,475
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	1.36
EPS	252
P/E	59.5



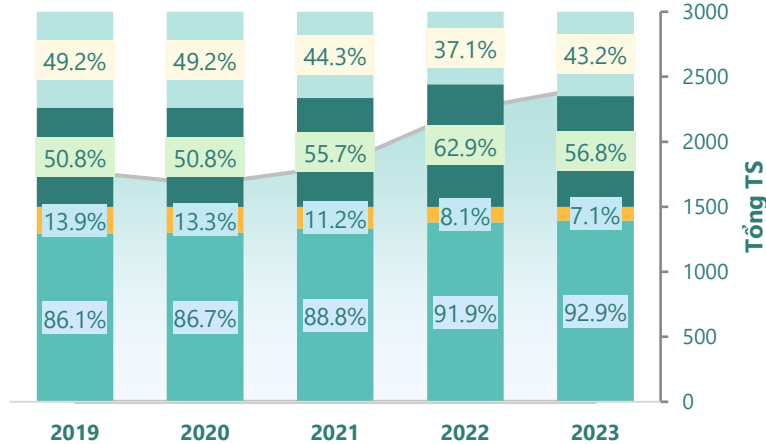
# KẾT QUẢ KINH DOANH



# TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

### Cơ cấu Tổng tài sản

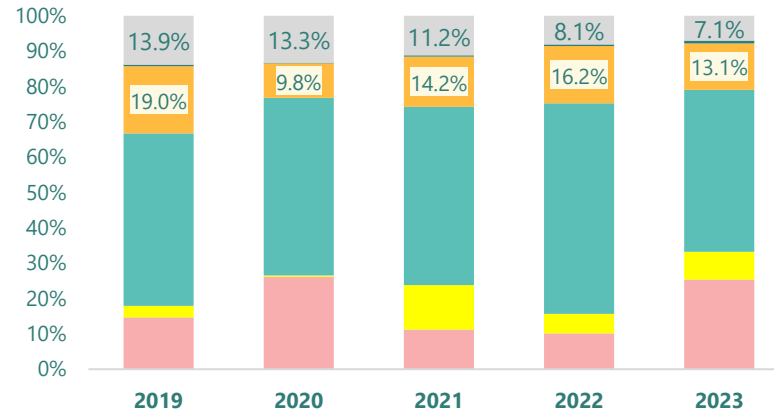
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

### Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

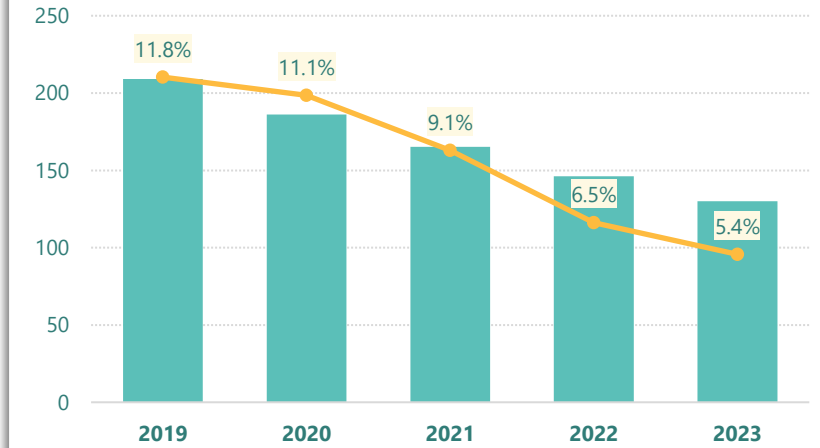


■ Tiền và tương đương tiền ■ Đầu tư tài chính ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ Tài sản ngắn hạn khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

### Tài sản cố định

tỷ VNĐ

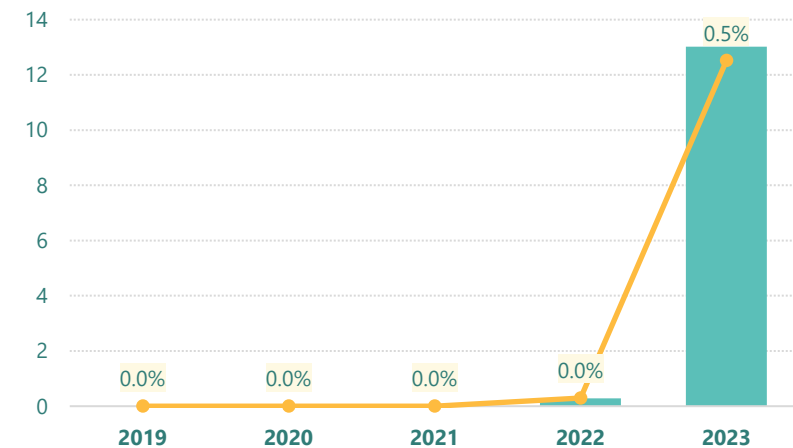


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

### Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

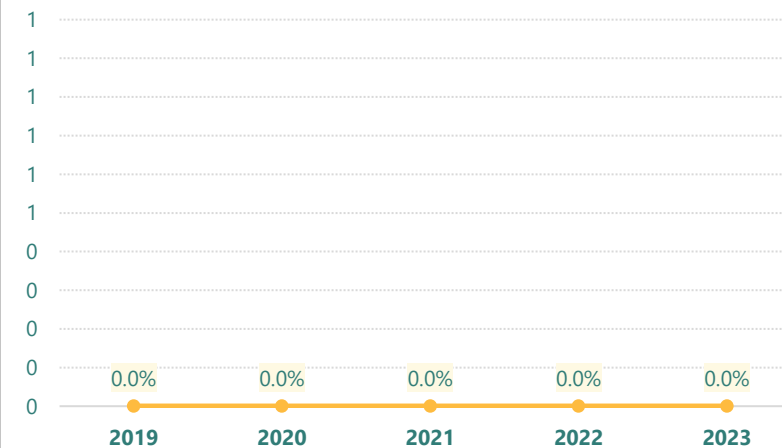


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

### Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

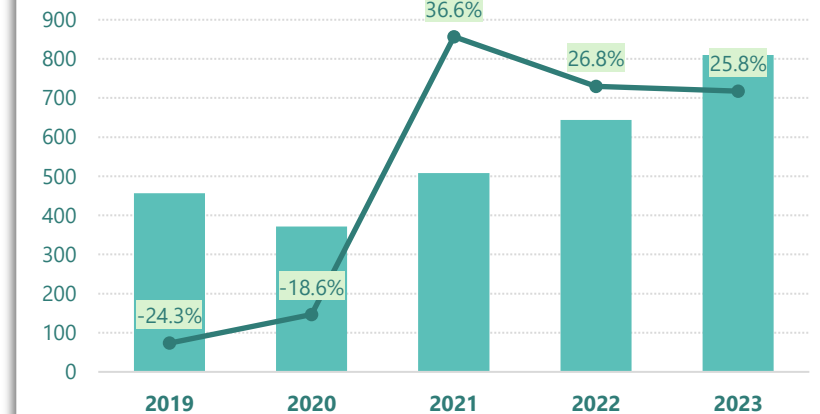


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

### Nợ vay

tỷ VNĐ

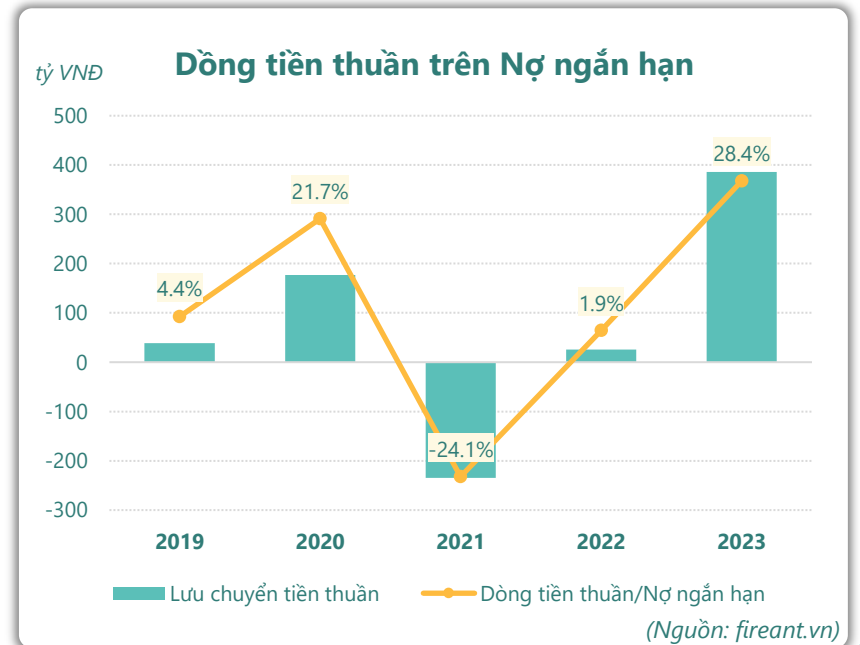
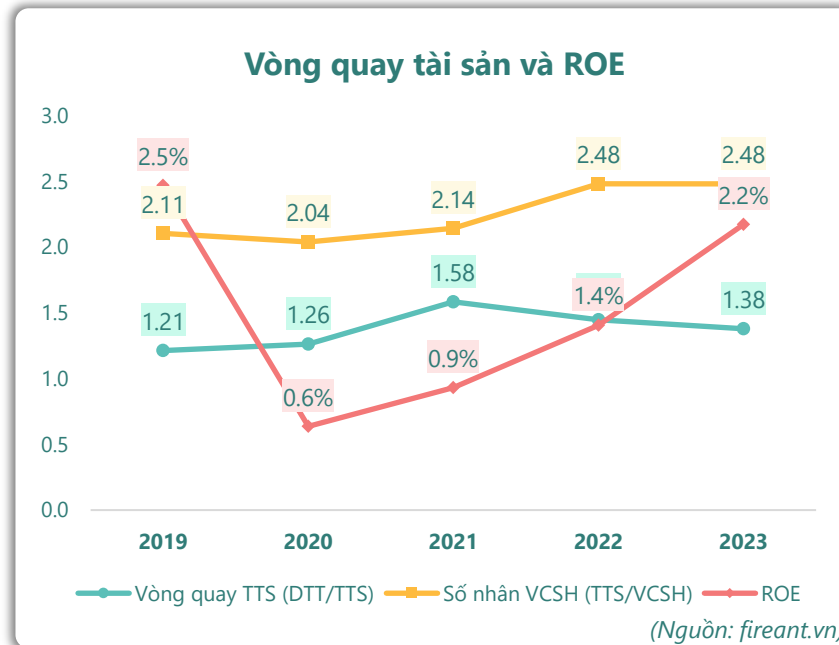
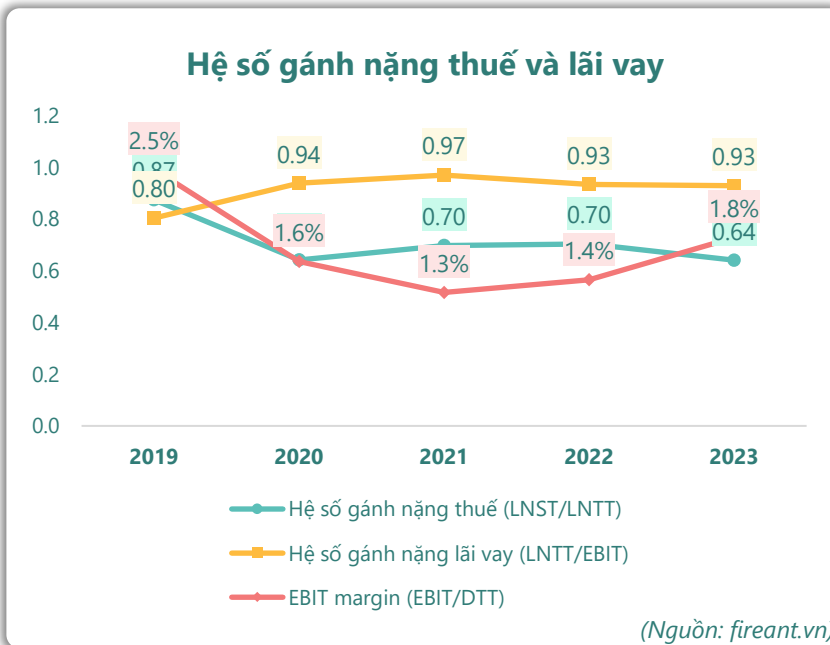
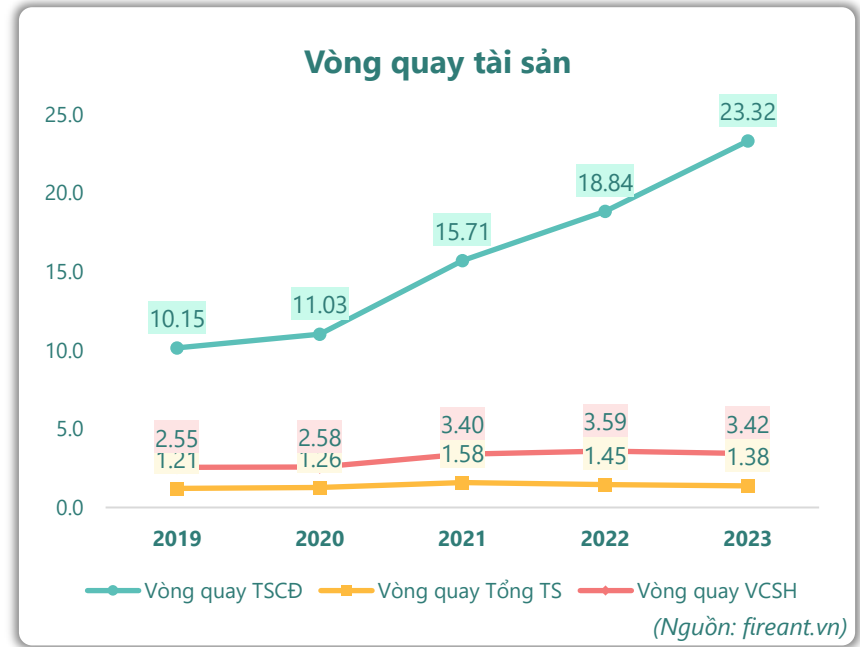
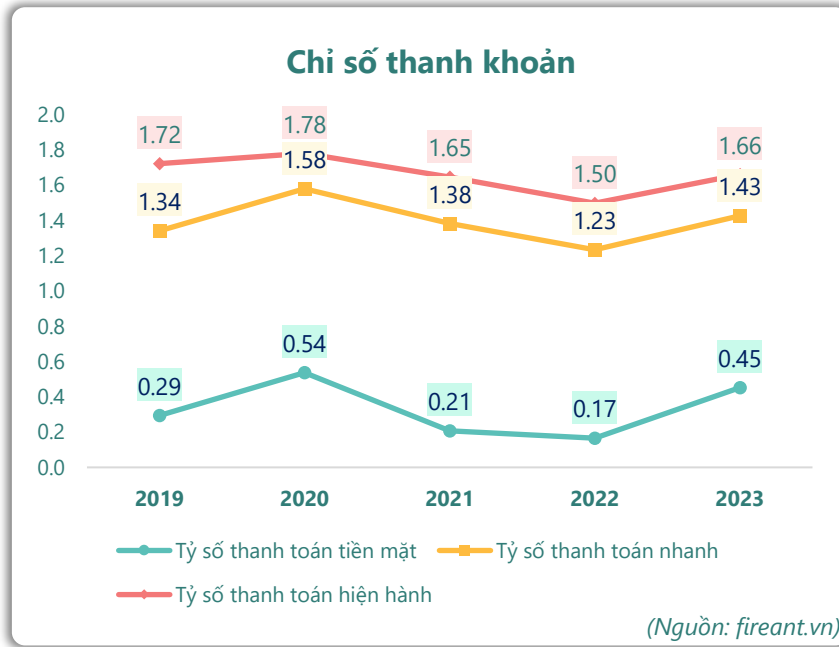
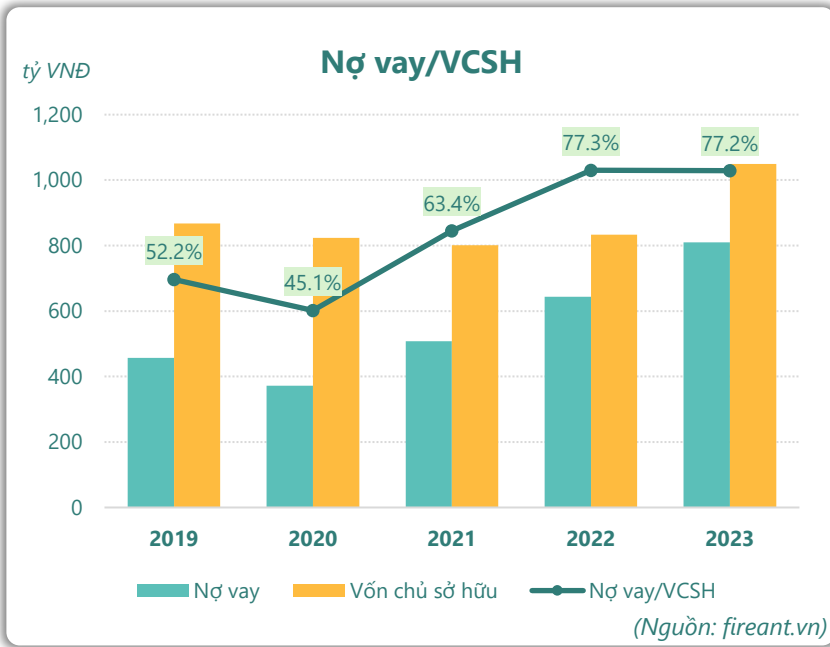


■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

# HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>2,179</b>	<b>2,760</b>	<b>2,934</b>	<b>3,221</b>
Giá vốn hàng bán	1,992	2,579	2,713	2,999
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>186</b>	<b>181</b>	<b>221</b>	<b>223</b>
Doanh thu HĐTC	19.2	21.9	19.0	29.0
Chi phí TC	12.2	10.4	26.4	19.0
<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>2.13</b>	<b>1.06</b>	<b>2.72</b>	<b>4.17</b>
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	36.9	36.3	40.4	33.7
Chi phí QLDN	122	128	133	163
<b>LN thuần từ HĐKD</b>	<b>34.6</b>	<b>28.7</b>	<b>39.7</b>	<b>35.6</b>
Lợi nhuận khác	-2.08	5.88	-0.99	18.9
<b>LN trước thuế</b>	<b>32.5</b>	<b>34.6</b>	<b>38.7</b>	<b>54.6</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>20.9</b>	<b>24.1</b>	<b>27.3</b>	<b>35.0</b>
<b>LNST của CĐ cty mẹ</b>	<b>5.38</b>	<b>7.57</b>	<b>11.5</b>	<b>20.5</b>

(Nguồn: fireant.vn)

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	256	-118	-176	-34.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	62.0	-215	63.1	45.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-141	98.1	139	375
Tiền đầu kỳ	261	438	203	228
<b>Lưu chuyển tiền thuần</b>	<b>177</b>	<b>-235</b>	<b>25.9</b>	<b>386</b>
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.06	-0.47	0.08
Tiền cuối kỳ	438	203	228	614

(Nguồn: fireant.vn)

**CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>1,674</b>	<b>1,811</b>	<b>2,246</b>	<b>2,427</b>
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>1,451</b>	<b>1,608</b>	<b>2,064</b>	<b>2,256</b>
Tiền và tương đương tiền	438	203	228	614
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.00	229	123	191
Phải thu ngắn hạn	840	913	1,338	1,114
Hàng tồn kho	164	257	364	318
Tài sản ngắn hạn khác	3.40	6.41	11.0	17.9
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>222</b>	<b>203</b>	<b>182</b>	<b>172</b>
Phải thu dài hạn	3.05	2.93	3.27	3.23
Tài sản cố định	186	165	146	130
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0.29	13.0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	33.3	34.8	31.8	25.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0
<b>Nợ phải trả</b>	<b>850</b>	<b>1,009</b>	<b>1,412</b>	<b>1,378</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>815</b>	<b>976</b>	<b>1,378</b>	<b>1,359</b>
Vay và nợ thuê ngắn hạn	372	508	644	810
Phải trả người bán ngắn hạn	201	239	480	313
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>34.9</b>	<b>32.8</b>	<b>34.2</b>	<b>18.9</b>
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0
<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>824</b>	<b>801</b>	<b>833</b>	<b>1,050</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>824</b>	<b>801</b>	<b>833</b>	<b>1,050</b>
Vốn điều lệ	500	500	500	812
<b>Kinh phí và quỹ khác</b>	<b>0.13</b>	<b>0.00</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

(Nguồn: fireant.vn)